

**CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ LONG PHÁT**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ LONG PHÁT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: LONG PHAT INVESTMENT  
CONSULTANCY COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0106994457

**3. Ngày thành lập:** 15/09/2015

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 14, tổ 12, Phường Định Công, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0988 803 688

Fax:

Email: [letuanvn80@gmail.com](mailto:letuanvn80@gmail.com)

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                | Mã ngành    |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa                                                                                                                                                                                              | 5210        |
| 2.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ<br>Chi tiết: Hoạt động của các bến, bãi ô tô, điểm bốc xếp hàng hoá;                                                                                | 5221(Chính) |
| 3.  | Bốc xếp hàng hóa<br>Chi tiết: Bốc xếp hàng hóa đường bộ;                                                                                                                                                                 | 5224        |
| 4.  | Chuyển phát<br>Chi tiết:<br>- Nhận, phân loại, vận chuyển và phân phối (trong nước hoặc quốc tế) thư, bưu phẩm, bưu kiện của các doanh nghiệp không hoạt động theo giao ước dịch vụ chung<br>- Dịch vụ giao hàng tận nhà | 5320        |
| 5.  | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày<br>Chi tiết:<br>Khách sạn<br>Biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày<br>Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày                                             | 5510        |
| 6.  | Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan<br>Chi tiết: Bán buôn than đá và nhiên liệu rắn khác                                                                                                        | 4661        |
| 7.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                                                                  | 4663        |
| 8.  | Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết:<br>- Bán lẻ đồ uống có cồn: rượu mạnh, rượu vang, bia;<br>- Bán lẻ rượu vang và bia có chứa cồn ở nồng độ thấp hoặc không chứa cồn                           | 4723        |
| 9.  | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                                                                                                                                                         | 5610        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |      |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 10. | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 5621 |
| 11. | Dịch vụ phục vụ đồ uống                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 5630 |
| 12. | Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4511 |
| 13. | Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4512 |
| 14. | Đại lý ô tô và xe có động cơ khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4513 |
| 15. | Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4520 |
| 16. | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4530 |
| 17. | Đại lý, môi giới, đấu giá<br>Chi tiết: Đại lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4610 |
| 18. | Bán buôn đồ uống<br>Chi tiết: Bán buôn đồ uống có cồn;                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4633 |
| 19. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn phương tiện vận tải trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe đạp;<br>- Bán buôn các loại máy công cụ, dùng cho mọi loại vật liệu;<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị khác chưa được phân vào nhóm nào, sử dụng cho sản xuất công nghiệp, thương mại, hàng hải và dịch vụ khác.<br>- Bán buôn máy công cụ điều khiển bằng máy vi tính;<br>- Bán buôn thiết bị và dụng cụ đo lường. | 4659 |
| 20. | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4931 |
| 21. | Vận tải hành khách đường bộ khác<br>Chi tiết:<br>- Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh;<br>- Cho thuê xe có người lái để vận tải hành khách, hợp đồng chở khách đi tham quan, du lịch hoặc mục đích khác;                                                                                                                                                                                                                     | 4932 |
| 22. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4933 |
| 23. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh; (Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)                                                                                                                                                                             | 8299 |
| 24. | Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 6619 |
| 25. | Đại lý du lịch                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 7911 |
| 26. | Điều hành tua du lịch                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 7912 |
| 27. | Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 7920 |

**6. Vốn điều lệ:** 1.900.000.000 VNĐ

**7. Thông tin về chủ sở hữu:**

Họ và tên: ĐẶNG THỊ PHƯỢNG

Giới tính: Nữ

Sinh ngày: 08/10/1991 Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 033191000062

Ngày cấp: 20/08/2014 Nơi cấp: Cục CS ĐKQL cư trú và DLQL về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 14, tổ 12, Phường Định Công, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 14, tổ 12, Phường Định Công, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**8. Người đại diện theo pháp luật:**

Họ và tên: ĐẶNG THỊ PHƯỢNG

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Ngày sinh: 08/10/1991 Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 033191000062

Ngày cấp: 20/08/2014 Nơi cấp: Cục CS ĐKQL cư trú và DLQL về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số 14, tổ 12, Phường Định Công, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại:

Số 14, tổ 12, Phường Định Công, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội**